

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **158/2020/HSST**

Ngày: 30/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch
Ông Vũ Xuân Tuất*

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 166/2020/HSST, ngày 03/7/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/HSST-QĐ, ngày 17/7/2020 đối với bị cáo:

Trần Minh B, sinh năm 1975 tại Quảng Trị. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Trần Minh S (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (tên khác: Đỗ Thị N, Đỗ Thị N), sinh năm 1941; Bị cáo chưa có vợ con; Bị cáo có 01 tiền án:

+ Ngày 15/8/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/7/2016, bị cáo chưa đóng án phí.

Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 01/4/2020 – Bị cáo có mặt.

+ *Bị hại:* Anh Vũ Đình H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chị Vũ Thị H, sinh năm 1985 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ *Người làm chứng:* Anh Lưu Văn C, sinh năm 1997 – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh B là công nhân tại xưởng sản xuất ván gỗ của chị Vũ Thị H1. Hàng ngày, B làm việc và ngủ lại tại xưởng gỗ của chị H1. Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 03 giờ ngày 31/3/2020, lợi dụng lúc mọi người trong xưởng gỗ ngủ say, B đã lấy trộm 01 xe mô tô biển số 34F1 – 040.14 của anh Vũ Đình H, trên xe có cắm sẵn chìa khóa là người quản lý xưởng để ở trong xưởng cùng hai máy cưa gỗ, 02 máy khoan tay, 01 máy cắt sắt, 01 máy mài tay và 02 lưỡi dao nạo ván lạng là tài sản của chị Vũ Thị H. Sau đó, B đem đồ số tài sản lấy trộm được lên xe mô tô biển số 34F1 – 040.14 rồi đẩy xe ra ngoài đường nổ máy chạy về hướng tỉnh Bình Thuận. Trên đường đi, B đã dừng lại tại các tiệm điện, tiệm gỗ dọc đường không xác định được địa chỉ cụ thể để bán các tài sản trộm cắp được gồm: 02 máy cưa gỗ, 02 máy khoan tay, 01 máy cắt sắt, 01 máy mài tay được tổng số tiền 3.900.000đ và tiêu xài hết. Đến sáng ngày 01/4/2020, B điều khiển xe mô tô biển số 34F1 – 040.14 chở theo hai lưỡi dao nạo ván lạng đến xưởng gỗ tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai để xin việc làm thì bị anh Lưu Văn C là bạn của anh Vũ Đình H phát hiện nên đã gọi điện báo cho anh H biết. Anh H đã đưa B cùng xe mô tô biển số 34F1 – 040.14 và 02 lưỡi dao nạo ván lạng đến công an xã B, huyện T trình báo. Cùng ngày, công an xã B, huyện T đã giao đối tượng Trần Minh B cùng toàn bộ hồ sơ, vật chứng cho công an huyện T, tỉnh Đồng Nai để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 06/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: 01 xe mô tô biển số 34F1 – 040.14 đã qua sử dụng bị cáo Trần Minh B chiếm đoạt của anh Vũ Đình H có giá trị 10.000.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 24/4/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: 01 lưỡi dao nạo ván gỗ bằng kim loại kích thước 1,6m x 10cm đã qua sử dụng và 01 lưỡi dao nạo ván gỗ bằng kim loại kích thước 1,5m x 15cm mới 100% có tổng trị giá 4.000.000đ. Đối với hai máy cưa gỗ, 02 máy khoan cầm tay, 01 máy cắt sắt, 01 máy mài cầm tay đã qua sử dụng không rõ đặc điểm, thông số kỹ thuật nên không xác định được giá trị.

Vật chứng thu giữ gồm 01 xe mô tô biển số 34F1 – 040.14 đã trả cho anh Vũ Đình H; và 02 lưỡi dao nạo ván lạng đã trả lại cho chị Vũ Thị H1.

Về dân sự: Đối với 02 máy cưa gỗ, 02 máy khoan cầm tay, 01 máy cắt sắt, 01 máy mài cầm tay đã qua sử dụng không rõ đặc điểm, thông số kỹ thuật bị cáo đã bán không thu hồi được. Chị Vũ Thị H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 187/CT/VKS-TB, ngày 03/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Minh B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời

luyện tội, phân tích vai trò của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 tháng tù đến 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 3 giờ ngày 31/3/2020, tại khu vực xưởng sản xuất ván gỗ của chị Vũ Thị H1 ở ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Trần Minh B đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số 34F1 – 040.14 đã qua sử dụng của anh Vũ Đình H có giá trị 10.000.000 và 02 lưỡi dao nạo ván gỗ bằng kim loại của chị Vũ Thị H1 có giá trị 4.000.000đ, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 14.000.000đ. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Minh B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án, trong đó có 01 tiền án chưa được xóa án tích, sau khi chấp hành xong hình phạt tù không chịu tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo sống thiếu trách nhiệm với bản thân, coi thường pháp luật nên cần phải có mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi 01 một phần trả lại cho bị hại. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm.

[4] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị cáo chiếm đoạt cho các bị hại đúng quy định nên không xem xét thêm. Đối số tiền 3.900.000đ bị cáo thu lợi bất chính do bán một số tài sản chiếm đoạt của chị Vũ Thị Hương mà có nên cần buộc bị cáo nộp số tiền này sung quỹ nhà nước.

[5] Đối với đối tượng đã tiêu thụ tài sản do bị cáo trộm cắp gồm 02 máy cưa gỗ, 02 máy khoan cầm tay, 01 máy cắt sắt, 01 máy mài cầm tay. Bị cáo không biết tên, địa chỉ người mua và không nhớ rõ địa điểm nơi tiêu thụ. Ngoài ra cơ quan điều tra không thu thập thêm chứng cứ nào khác nên không khởi tố là có căn cứ.

[6] Về dân sự: Đối với 02 máy cưa gỗ, 02 máy khoan cầm tay, 01 máy cắt sắt, 01 máy mài cầm tay đã qua sử dụng không rõ đặc điểm, thông số kỹ thuật và không thu hồi được. Chị Vũ Thị H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét thêm.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét tính hợp pháp của các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trần Minh B phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Xử phạt bị cáo **Trần Minh B**: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2020.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo nộp số tiền 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Minh B phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an huyện T;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện T
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ký